

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CHIỀNG KHOONG
TRƯỜNG PTDTBT THCS MUỜNG CAI

KẾ HOẠCH
CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
TRƯỜNG PTDTBT THCS MUỜNG CAI
GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

Chiềng Khoong, tháng 8 năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CHIỀNG KHOONG
TRƯỜNG PTDTBT THCS MƯỜNG CAI

KẾ HOẠCH
CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
TRƯỜNG PTDTBT THCS MƯỜNG CAI
GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

Chiềng Khoong, tháng 8 năm 2025

UBND XÃ CHIỀNG KHOONG
TRƯỜNG PTDTBT THCS
MƯỜNG CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 12/KH-THCSMC

Chiềng Khoong, ngày 30 tháng 8 năm 2025

KẾ HOẠCH
Chiến lược phát triển Trường PTDTBT THCS Mường Cai
Giai đoạn 2026 - 2030

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1705/QĐ-TTg, ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 1164/QĐ-BGDĐT ngày 26/4/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông; Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 10/2025/TT-BGDĐT, ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 18/2018/TT-BGD&ĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT và Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị Quyết số 01-NQ/ĐH ngày 23/07/2025 của Đại hội đại biểu Đảng bộ xã Chiềng Khoong nhiệm kì 2025-2030.

Trường PTDTBT THCS Mường Cai xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2026 - 2030, như sau:

PHẦN THỨ NHẤT
THỰC TRẠNG TRƯỜNG PTDTBT THCS MƯỜNG CAI HIỆN NAY

Trường PTDTBT THCS xã Mường Cai được thành lập theo Quyết định số 1442/QĐ-UBND ngày 30/8/2013 của Ủy ban nhân huyện Sông Mã về việc thành lập trường PTDTBT THCS Công lập trực thuộc UBND huyện Sông Mã trên cơ sở tiền thân là trường THCS Mường Cai. Trường nằm trên địa bàn bản Nà Kham, xã Chiềng Khoong, tỉnh Sơn La. Trường cách trung tâm xã Chiềng Khoong 18 km.

Học sinh của nhà trường chủ yếu là dân tộc Mông (khoảng 80%) còn lại là dân tộc Thái, Kinh, Khơ Mú, Xinh Mun, Dao...

Về kinh tế xã hội: Phụ huynh học sinh của nhà trường chủ yếu là làm nông nghiệp, trồng cây nông sản trên địa hình đồi núi dốc; chăn nuôi nhỏ lẻ. Điều kiện kinh tế xã hội còn nhiều khó khăn.

Dân cư thưa thớt, cư trú trên địa bàn rộng ở địa hình đồi núi cao, xa trung tâm trường.

1. Thuận lợi

Được sự quan tâm chỉ đạo của cấp uỷ và chính quyền xã Chiềng Khoong về phát triển giáo dục đào tạo.

Tập thể sư phạm đoàn kết, đội ngũ giáo viên trẻ, khoẻ, có tinh thần trách nhiệm trong công tác, trình độ chuyên môn đều được đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn.

Học sinh ngoan, có ý thức học tập, rèn luyện. Môi trường xã hội lành mạnh, hạn chế được rất nhiều về các tệ nạn xã hội.

Nhận thức, đời sống của người dân ngày càng được nâng cao có điều kiện thuận lợi hơn để học sinh được đến trường học tập.

Nhà trường được đầu tư sửa chữa, nâng cấp trường lớp học đáp ứng nhu cầu học của học sinh.

Khoa học, công nghệ, chuyển đổi số phát triển nhanh là điều kiện thuận lợi để giáo viên, học sinh ứng dụng phục vụ hoạt động dạy học.

2. Khó khăn

- Điều kiện kinh tế xã hội còn nhiều khó khăn; phong trào học tập trong cộng đồng nói chung, học sinh nói riêng phát triển chưa được rộng khắp, còn nhiều hạn chế. Đa số các em chưa xác định được động cơ học tập; nhiều bậc cha mẹ học sinh chưa thực sự quan tâm còn có sự phó mặc việc giáo dục con em mình cho nhà trường, chưa có sự phối kết hợp với nhà trường để quan tâm tới các em.

- Ngôn ngữ, vốn từ tiếng Việt còn có những hạn chế nhất định, nhận thức chậm, khả năng diễn đạt của các em còn yếu gây khó khăn trong việc trao đổi thông tin, nghiên cứu, tìm tòi kiến thức trong các tài liệu còn hạn chế.

- Năng lực chuyên môn của đội ngũ giáo viên không đồng đều, kinh nghiệm công tác còn có những hạn chế nhất định.

- Khả năng ứng dụng công nghệ thông tin của một bộ phận giáo viên còn hạn chế, năng lực sư phạm của giáo viên chưa thực sự đồng đều.

- Cơ sở vật chất đã được đầu tư nâng cấp, sửa chữa song chưa đáp ứng cho công tác dạy và học, thiếu phòng học bộ môn, phòng sinh hoạt chuyên môn. Chưa có phòng chức năng; sĩ số học sinh lên đến trên 40 học sinh/lớp trong khi các lớp học được xây dựng từ giai đoạn trước với kích thước chật hẹp.

- Nhiều học sinh cư trú xa trường nên gặp rất nhiều khó khăn trong việc di chuyển từ nhà đến trường.

I. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA NHÀ TRƯỜNG HIỆN NAY

1. Hội đồng trường: Được Ủy ban nhân dân xã Chiềng Khoong thành lập theo quy định; Hiệu trưởng làm Chủ tịch Hội đồng trường.

2. Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng: 01 Hiệu trưởng; 02 Phó Hiệu trưởng.

3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng: Được Hiệu trưởng thành lập (kiện toàn) theo quy định.

4. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam

Chi bộ cơ sở nhà trường có: 24 đảng viên chính thức. Nhà trường có Ban chấp hành (Bí thư - Hiệu trưởng, Phó Bí thư - Phó Hiệu trưởng, Chi ủy viên - Phó Hiệu trưởng).

5. Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

Chi đoàn nhà trường: 05 đoàn viên.

6. Tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh:

Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh có 529 đội viên, được chia thành 13 Liên đội (13 lớp).

7. Các Tổ chuyên môn

Nhà trường có 02 tổ chuyên môn:

- Tổ Khoa học tự nhiên - Văn Phòng (01 Tổ trưởng, 01 Tổ phó và 12 thành viên).

- Tổ Khoa học xã hội (01 Tổ trưởng, 01 Tổ phó và 14 thành viên).

8. Lớp học

Nhà trường có 13 lớp học, với 529 học sinh.

Lớp học được tổ chức gồm Lớp trưởng, các Lớp phó, tổ trưởng hoạt động dưới hình thức tự quản.

II. QUY MÔ TRƯỜNG, LỚP, CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Quy mô trường lớp

Năm học 2025-2026, nhà trường có tổng số 529 học sinh, trong đó: lớp 6: 142 học sinh; lớp 7: 124 học sinh; lớp 8: 127 học sinh; lớp 9: 136 học sinh.

2. Chất lượng giáo dục hiện nay

2.1. Chất lượng giáo dục mũi nhọn

- Tham dự thi học sinh giỏi bậc THCS cấp huyện năm học 2024 - 2025: đạt 06 giải, trong đó: 01 giải Nhất; 03 giải Nhì; 02 giải Khuyến.
- Tham gia thi giao lưu học sinh khối 6, 7, 8 cấp huyện đạt 19 giải, cụ thể: 04 giải Nhì; 06 giải Ba; 09 giải Khuyến khích.
- Có 01 dự án tham dự cuộc thi KHKT cấp huyện đạt giải Khuyến khích.
- Tham gia giải Điền kinh học sinh truyền thống huyện Sông Mã năm 2025, đạt 05 giải (*02 giải Nhất; 01 giải Nhì; 01 giải Ba*). Giải Taekwondo các Câu lạc bộ huyện Sông Mã mở rộng năm 2025 đạt 09 giải (*03 giải Nhất; 02 giải Nhì; 04 giải Ba*).
- Tham gia giải Điền kinh học sinh truyền thống tỉnh Sơn La năm 2025, có 01 học sinh đạt Huy chương Bạc.

2.2. Chất lượng giáo dục đại trà

Chất lượng hai mặt giáo dục năm học 2024 - 2025: Tổng số học sinh toàn trường: **505** học sinh.

- Kết quả học tập của học sinh: Loại Tốt: 25 chiếm 5,0%; Khá: 121 chiếm 24%; Đạt: 354 chiếm 70,1%; Chưa đạt: 04 chiếm 0,8%.
- Kết quả rèn luyện của học sinh: Loại Tốt: 377 chiếm 74,7%; Khá: 97 chiếm 19,2%; Đạt: 27 chiếm 5,3%; Chưa đạt: 04 chiếm 0,8%.

III. ĐỘI NGŨ

1. Cán bộ quản lý

1.1. Số lượng CBQL: 03 người (01 Hiệu trưởng ; 02 Phó Hiệu trưởng).

1.2. Cơ cấu theo quy định: Đủ so với Quyết định của Sở Nội vụ giao.

1.3. Chất lượng đội ngũ CBQL:

- Số năm công tác được bổ nhiệm lần đầu: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng có kinh nghiệm quản lý ít nhất 5 năm trở lên.

- Chuẩn về bằng cấp: Hiệu trưởng có trình độ Thạc sĩ ; các Phó Hiệu trưởng trình độ đại học.

- Kết quả đánh giá chuẩn Hiệu trưởng theo Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT 20/7/2018: Đạt loại Tốt.

- Lý luận chính trị: Trung cấp: 03 đồng chí.

- Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ : Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng đã qua các khóa đào tạo, bồi dưỡng: Quản lý giáo dục trường THCS; bồi dưỡng ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản; tiếng dân tộc thiểu số ...

- Mức độ tin nhiệm của CBGV: Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng được giáo viên, nhân viên tín nhiệm cao thông qua cuộc họp, bình xét, bỏ phiếu đánh

giả mức độ hoàn thành nhiệm vụ và được UBND huyện xếp loại từ Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

2. Giáo viên

2.1. *Số lượng giáo viên*: 26 người; tỷ lệ giáo viên trên lớp : 2,0 giáo viên/1 lớp ; cơ cấu giáo viên theo bộ môn: Nhà trường chưa có giáo viên Công nghệ, GD&ĐT, Tổng phụ trách Đội, giáo viên dạy tích hợp liên môn: Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí.

2.2. Chất lượng đội ngũ giáo viên

a) Chất lượng theo văn bằng: theo quy định tại Điều 72, Luật Giáo dục 2019

- Đạt chuẩn: 100% (26 giáo viên trình độ Đại học.

- Trên chuẩn: Không.

- Chưa đạt chuẩn: Không

b) Chất lượng giáo viên (*đánh giá chuẩn nghề nghiệp theo Thông tư số 20/2018/TT-BGD&ĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*)

Kết quả đánh giá: Tốt: 10 người (*chiếm 38,5%*); Khá 14 người (*chiếm 53,8%*), Trung bình: 02 người (*chiếm 7,7%*).

3. Nhân viên

3.1. *Số lượng nhân viên hiện nay*: Nhà trường có 01 nhân viên Kế toán ; 01 nhân viên Bảo vệ và 01 nhân viên phục vụ (*hợp đồng theo Nghị định 111/NĐ-CP 30/12/2022 của Chính phủ*).

Cơ cấu nhân viên theo quy định: Thiếu nhân viên Văn thư, Thư viện, Y tế học đường, Thủ quỹ.

3.2. Chất lượng nhân viên

Trình độ: Đại học: 01 người; chưa qua đào tạo: 02 người.

4. Cơ sở vật chất

4.1. Khuôn viên nhà trường

Tổng diện tích Trường PTDTBT THCS Mường Cai có quy mô với tổng diện tích khuôn viên trường 3.199,8 mét vuông. Bình quân 6,05 mét vuông/1 học sinh.

Nhà trường được xây dựng 03 nhà hai tầng kiên cố; 01 nhà công vụ giáo viên; 02 nhà ở bán trú học sinh. Khuôn viên trường khép kín, đảm bảo xanh, sạch, đẹp và an toàn; Sân trường có bồn hoa, cây xanh, thoáng mát, thuận tiện cho học sinh học tập, vui chơi.

4.2. Khối cơ sở vật chất phục vụ cho học tập

a) Phòng học : có 13 phòng học kiên cố, đảm bảo 01 lớp/1 phòng học.

b) Phòng học bộ môn: Thiếu các phòng học bộ môn: 01 phòng âm nhạc, 01 phòng Mỹ thuật, 01 phòng Công nghệ, 01 phòng KHTN, 01 phòng Lịch sử và Địa lí, 01 phòng Ngoại ngữ.

c) Phòng thiết bị: Không có.

d) Nhà đa năng: Không có.

e) Sân chơi, bãi tập:

g) Thiết bị dạy học: được cấp theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

4.3. *Thư viện nhà trường*: Nhà trường có 01 phòng thư viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của giáo viên và học sinh.

4.4. *cơ sở vật chất khối hành chính*:

a) Nhà ở bán trú, bếp ăn bán trú, thiết bị phục vụ bán trú

Có 02 nhà ở bán trú học sinh với 20 phòng ở (16 phòng kiên cố ; 04 phòng bán kiên cố).

Có 01 bếp ăn bán trú; 01 phòng làm nhà kho; 01 nhà ăn bán trú đáp ứng được 200 học sinh ăn tập trung.

Các thiết bị phục vụ bán trú được đầu tư mua sắm cơ bản đầy đủ.

b) Phòng làm việc

- Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng: Có phòng làm việc của Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng được trang bị đầy đủ máy tính, máy in, bàn ghế, tủ đựng tài liệu, hệ thống chiếu sáng ... được sắp xếp khoa học, thuận tiện để làm việc.

- Phòng họp hội đồng: Nhà trường có phòng họp toàn thể cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường - Phòng hội đồng trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định.

- Phòng làm việc tổ chuyên môn: Không có phòng riêng.

- Phòng đoàn, đội: 01 phòng.

- Phòng truyền thống: Không có.

- Phòng y tế: 01 phòng do giáo viên kiêm nhiệm quản lý.

- Phòng kế toán được trang bị bàn ghế, máy tính kết nối mạng Internet, máy in, quạt trần, tủ đựng tài liệu.

- Phòng bảo vệ đặt ở gần cổng trường thuận tiện cho việc quan sát các hoạt động của nhà trường.

c) Khu vệ sinh của giáo viên, nhân viên, học sinh:

- Khu vệ sinh của GV, nhân viên: là nhà vệ sinh tự hoại hoàn toàn, gồm các phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt với đầy đủ các thiết bị vệ sinh; được bố trí ở vị trí thuận tiện cho việc sử dụng; đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Khu vệ sinh học sinh: có 02 dãy nhà vệ sinh với tổng số 20 phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt, khép kín, bố trí gần khu nhà ở bán trú của học sinh nam, nữ thuận tiện cho sử dụng, được trang bị đủ các thiết bị tự hoại, đảm bảo vệ sinh môi trường.

d) Khu để xe của giáo viên, nhân viên, học sinh:

Nhà để xe của GV, nhân viên có mái che, khung sắt được bố trí gần khu vực cổng trường đảm bảo đủ chỗ cho giáo viên, nhân viên của trường.

Khu để xe học sinh: có mái che, khung sắt được bố trí gần khu vực cổng trường đảm bảo đủ chỗ cho học sinh của trường.

e) Khu xử lý rác thải: Nhà trường có 01 lò đốt rác thải nhưng chưa đảm bảo về quy mô và chất lượng xử lý.

IV. MỐI QUAN HỆ GIA ĐÌNH, NHÀ TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Nhà trường đã chủ động tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch và các biện pháp cụ thể để phát triển nhà trường như: Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường, kế hoạch phát triển giáo dục hàng năm. Kế hoạch phối hợp của nhà trường với chính quyền địa phương thực hiện công tác phổ cập giáo dục.

Trong các cuộc họp giao ban với Cấp ủy Đảng, chính quyền xã Chiềng Khoong, đại diện nhà trường đã tích cực tham mưu với Đảng ủy, Ủy ban nhân dân tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, nhà nước, ngành Giáo dục về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường, nhằm nâng cao nhận thức của các tổ chức và nhân dân địa phương trong việc xây dựng môi trường giáo dục, hoàn thành các chỉ tiêu trong kế hoạch phát triển giáo dục, kết quả được thể hiện trong Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học.

Hàng năm, nhà trường đã huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định trong đó cán bộ, giáo viên là những người đi đầu. Nhờ sự ủng hộ của phụ huynh, của giáo viên toàn trường mà nhà trường đã tổ chức thành công các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, các hoạt động trải nghiệm cho học sinh, nâng cao chất lượng và uy tín của nhà trường. Hàng năm chi bộ lấy ý kiến của toàn thể đảng viên dự thảo xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chính trị của chi bộ, từ đó làm cơ sở để tham mưu với đảng ủy, chính quyền địa phương về phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

Chi bộ nhà trường chỉ đạo Đoàn Thanh niên, Đội Thiếu niên xây dựng kế hoạch phối hợp với các cá nhân, đoàn thể, tổ chức để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao như: phối hợp với Đoàn xã để tham gia các phong trào thi đua, đền ơn đáp nghĩa thể hiện ở các hình ảnh chăm sóc gia đình thương binh, liệt sỹ, thăm viếng nghĩa trang.

Các cấp chính quyền địa phương cũng như các tổ chức xã hội đã quan tâm hơn đến sự nghiệp giáo dục và đang tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng, bổ sung thiết bị cho nhà trường hoạt động.

Vào đầu mỗi năm học nhà trường phối hợp với Ban đại diện CMHS xây dựng kế hoạch tổ chức các cuộc họp phụ huynh. Mỗi lớp có một Ban đại diện CMHS gồm 03 thành viên trong đó có một trưởng ban, một phó ban và một ủy viên nhằm phối hợp với giáo viên chủ nhiệm lớp thực hiện các hoạt động giáo dục học sinh, được thể hiện trong biên bản họp, bầu ban đại diện CMHS các lớp.

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp tốt với nhà trường tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục theo nội dung được thống nhất tại cuộc họp đầu năm học. Ban đại diện cha mẹ học sinh tham gia vào các hoạt động như nghe đánh giá việc học tập, rèn luyện của các em; Qua đó giúp cha mẹ học sinh kịp thời nắm bắt quá trình học tập, rèn luyện của con em mình.

Ban đại diện cha mẹ học sinh thường xuyên phối hợp với Ban Giám hiệu nhà trường thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục. Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp thường xuyên nắm bắt tình hình của lớp cũng như của học sinh để có biện pháp, phối kết hợp hiệu quả với GVCN trong công tác giáo dục học sinh.

Ban đại diện cha mẹ học sinh họp thường xuyên qua các giai đoạn để nắm bắt tình hình các lớp. Mọi công việc của Ban đại diện cha mẹ học sinh luôn đảm bảo tính dân chủ, thực hiện một cách công khai minh bạch.

Ban Đại diện cha mẹ học sinh các lớp và Ban Đại diện cha mẹ học sinh nhà trường thực hiện tốt kế hoạch hàng năm. Mọi công việc của Ban đại diện cha mẹ học sinh luôn đảm bảo tính công khai, minh bạch. Ban đại diện cha mẹ học sinh tham gia tích cực công tác bảo vệ trật tự trị an và an toàn cho GV và HS nhà trường, phối hợp cùng nhà trường trong việc vận động xã hội hóa giáo dục, tạo được sự gắn kết chặt chẽ giữa gia đình-nhà trường-xã hội, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

V. KẾT QUẢ XÓA MÙ CHỮ VÀ PHỔ CẬP GIÁO DỤC CỦA ĐỊA PHƯƠNG HIỆN TẠI

- 100% học sinh ra lớp đúng độ tuổi.
- Duy trì và giữ vững kết quả phổ cập giáo dục THCS đúng độ tuổi đạt mức độ 2.

VI. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Nhà trường tổ chức thực hiện nghiêm túc Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về kiểm định chất lượng Giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT và Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1. Kết quả tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục

1.1. Tiêu chuẩn 1 : Tổng số 10 tiêu chí

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu Mức 1: 10/10 chiếm 100%

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu Mức 2: 10/10 chiếm 100%

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu Mức 3: 3/5 chiếm 60%

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu Mức 3: 2/5 chiếm 40%

1.2. Tiêu chuẩn 2 : Tổng số 4 tiêu chí

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu Mức 1: 4/4 chiếm 100%

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu Mức 2: 4/4 chiếm 100%

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu Mức 3: $\frac{3}{4}$ chiếm 75%

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu Mức 3: $\frac{1}{4}$ chiếm 25%

1.3. Tiêu chuẩn 3: Tổng số 3 tiêu chí

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu Mức 1: 3/3 chiếm 100%

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu Mức 2: 3/2 chiếm 100%

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu Mức 3: 1/2 chiếm 50 %

1.4. Tiêu chuẩn 4: Tổng số 2 tiêu chí

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu Mức 1: 2/2 chiếm 100%

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu Mức 2: 2/2 chiếm 100%

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu Mức 3: 2/2 chiếm 100%

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu Mức 3: 0/2 chiếm 0%

1.5. Tiêu chuẩn 5:

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu Mức 1: 6/6 chiếm 100%

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu Mức 2: 6/6 chiếm 100%

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu Mức 3: 0/6 chiếm 0%

2. Kết luận: Nhà trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức 2 năm 2020.

PHẦN THỨ HAI

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2026-2030

I. SỨ MỆNH, TÂM NHÌN, GIÁ TRỊ CỐT LÕI, CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC

1. Sứ mệnh

Đào tạo học sinh phát triển toàn diện về phẩm chất và năng lực. Đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, nhà giáo vững vàng về chuyên môn, nghiệp vụ sẵn sàng cống hiến cho sự phát triển của nhà trường. Có cơ sở vật chất đầy đủ, từng bước được trang bị hiện đại, đáp ứng ngày càng cao yêu cầu phát triển giáo dục và đào tạo.

2. Tâm nhìn

Phấn đấu đến năm 2030, nhà trường có cơ sở vật chất đầy đủ, hiện đại đáp ứng yêu cầu dạy học trong kỷ nguyên mới. Tạo dựng được môi trường học tập nề nếp, kỷ cương có chất lượng để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển năng lực và tư duy sáng tạo; luôn tự hào về ngôi trường của mình; để trường PTDTBT THCS Mường Cai là: “Trường học hạnh phúc”.

3. Hệ thống giá trị cốt lõi

Đoàn kết - Thân thiện - Trách nhiệm - Hiện đại - Sáng tạo và khát vọng vươn lên - Chất lượng - Hạnh phúc.

4. Cơ hội

- Phát triển giáo dục và đào tạo được Đảng ta xác định là quốc sách hàng đầu. Đảng, Nhà nước ta đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách nhằm ưu tiên phát triển giáo dục và đào tạo cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, hướng tới việc tăng cường tạo cơ hội việc làm, giảm nghèo đa chiều bền vững tại các địa bàn còn nhiều khó khăn là điều kiện thuận lợi để nhà trường phát triển.

- Việc thực hiện chính quyền địa phương hai cấp, nhà trường được chính quyền địa phương quan tâm chỉ đạo sát sao, trực tiếp, toàn diện.

- Khoa học và công nghệ phát triển nhanh là điều kiện thuận lợi để cán bộ quản lý, giáo viên ứng dụng hiệu quả thành tựu khoa học công nghệ, trí tuệ nhân tạo vào công tác quản lý và dạy học.

- Sự quan tâm, đồng thuận của nhân dân đối với giáo dục giúp nhà trường có điều kiện thuận lợi nhất trong triển khai chương trình giáo dục.

5. Thách thức

Bên cạnh những chuyển biến tích cực, công tác giáo dục ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi vẫn còn không ít khó khăn, bất cập:

- Điều kiện kinh tế - xã hội của người dân còn nhiều khó khăn. Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo còn cao.

- Địa bàn xa, số lượng các chính sách cho giáo dục miền núi rất lớn là thách thức đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

- Cơ sở vật chất chưa đảm bảo, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển giáo dục đào tạo bền vững, hiện đại.

- Về chất lượng giáo dục đại trà còn thấp, công tác phổ cập giáo dục còn nhiều khó khăn; tỷ lệ học sinh bỏ học còn cao.

- Công tác xã hội hóa đầu tư cho giáo dục còn nhiều khó khăn.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Xây dựng thể hệ trẻ có đầy đủ phẩm chất, năng lực và ý thức công dân, cùng với việc phát huy tiềm năng sáng tạo và đáp ứng yêu cầu của sự phát triển quốc gia và hội nhập quốc tế.

- Phát triển giáo dục hiện đại, kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, địa phương, tiếp thu văn minh nhân loại, phát triển toàn diện con người Việt Nam, đáp ứng những yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong kỷ nguyên mới, chủ động tham gia và thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và các tiến bộ mới nhất của khoa học và công nghệ; chú trọng giáo dục đạo đức, nhân cách, phát huy tối đa tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân, tạo nền tảng cho việc thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, đất nước phồn vinh và hạnh phúc. Phát triển hệ thống giáo dục mở, đảm bảo công bằng và bình đẳng trong tiếp cận giáo dục, phục vụ học tập suốt đời, theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa, hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Chất lượng giáo dục

Duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục trung học cơ sở đạt mức độ 2.

Tỷ lệ đi học đúng độ tuổi đạt 97%; tỷ lệ hoàn thành cấp THCS đạt 99%; tỷ lệ chuyển cấp từ trung học cơ sở lên trung học phổ thông và các trình độ khác đạt 95%; 100% học sinh được học 2 buổi/ngày.

2.2. Đội ngũ

Duy trì 100% giáo viên phổ thông đạt chuẩn trình độ được đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục. Có năng lực chuyên môn vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, đáp ứng ngày càng cao yêu cầu dạy học. Ứng dụng thành thạo công nghệ thông tin, đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong công tác quản lý và dạy học.

2.3. Cơ sở vật chất

Phân đầu phòng học, nhà bán trú học sinh kiên cố đạt. Có đầy đủ thiết bị dạy học.

2.4. Kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường chuẩn quốc gia

Phân đầu Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức 2. Đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

III. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Năm học 2025-2026

- Duy trì cơ cấu trường gồm 529 học sinh với 13 lớp.

- Nâng cao chất lượng giáo dục đại trà, giáo dục mũi nhọn. Tỷ lệ học sinh chuyển lớp đạt từ 98% trở lên; tỷ lệ học sinh tuyển mới vào lớp 6 đạt 100% ; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS đạt 100% ; học sinh đỗ vào THPT và các trường cấp THPT đạt trên 70%.

- Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đảm bảo đủ theo biên chế UBND tỉnh giao năm 2025: 30 biên chế.

- Cơ sở vật chất: Tiếp tục tham mưu chính quyền địa phương cho chủ trương huy động nguồn ngân sách xã hội hóa nâng cấp sân chơi cho học sinh (đổ bê tông mặt sân đất), đổ bê tông đường vào trường, xây dựng lò đốt rác thải, nâng cấp sân khấu.

- Duy trì hiệu quả chất lượng hoạt động của Hội đồng trường, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, các tổ chức Đoàn, Đội.

- Duy trì tốt mối quan hệ Ban đại diện cha mẹ học sinh với nhà trường, các thầy cô giáo; duy trì mối quan hệ giữa nhà trường với chính quyền địa phương và các tổ chức chính trị, xã hội tại địa phương.

- Duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục THCS mức độ 2.

- Kiểm định chất lượng giáo dục đạt mức 2 và Trường chuẩn quốc gia mức độ 1.

2. Năm học 2026-2027

- Thực hiện sắp xếp lại trường lớp, học sinh khi trường Phổ thông dân tộc nội trú tiểu học và THCS xã Chiềng Khoong đi vào hoạt động (dự kiến 08 lớp cấp THCS).

- Tham mưu rà soát lại đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế sau khi sắp xếp học sinh nội trú.

- Nâng cao chất lượng giáo dục đại trà, giáo dục mũi nhọn. Tỷ lệ học sinh chuyển lớp đạt từ 98% trở lên; tỷ lệ học sinh tuyển mới vào lớp 6 đạt 100%; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS đạt 100%; học sinh đỗ vào THPT và các trường cấp THPT đạt trên 70%.

- Cơ sở vật chất: Tiếp tục tham mưu chính quyền địa phương đầu tư nguồn ngân sách mua sắm thiết bị dạy học thực hiện chương trình giáo dục phổ thông.

- Duy trì hiệu quả chất lượng hoạt động của Hội đồng trường, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, các tổ chức Đoàn, Đội.

- Duy trì tốt mối quan hệ Ban đại diện cha mẹ học sinh với nhà trường, các thầy cô giáo; duy trì mối quan hệ giữa nhà trường với chính quyền địa phương và các tổ chức chính trị, xã hội tại địa phương.

- Duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục THCS mức độ 2.

- Kiểm định chất lượng giáo dục đạt mức 2 và Trường chuẩn quốc gia mức độ 1.

3. Năm học 2027-2028

- Ổn định quy mô trường lớp sau sắp xếp (dự kiến 08 lớp cấp THCS).

- Duy trì đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục phù hợp với quy mô trường lớp, đảm bảo đủ cơ cấu giáo viên.

- Nâng cao chất lượng giáo dục đại trà, giáo dục mũi nhọn. Tỷ lệ học sinh chuyển lớp đạt từ 99% trở lên; tỷ lệ học sinh tuyển mới vào lớp 6 đạt 100% ; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS đạt 100%; học sinh đỗ vào THPT và các trường cấp THPT đạt trên 80%.

- Cơ sở vật chất: Tiếp tục tham mưu chính quyền địa phương đầu tư nguồn ngân sách mua sắm đầy đủ thiết bị dạy học thực hiện chương trình giáo dục phổ thông, đặc biệt là các phòng chức năng phục vụ hoạt động dạy học.

- Duy trì hiệu quả chất lượng hoạt động của Hội đồng trường, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, các tổ chức Đoàn, Đội.

- Duy trì tốt mối quan hệ Ban đại diện cha mẹ học sinh với nhà trường, các thầy cô giáo; duy trì mối quan hệ giữa nhà trường với chính quyền địa phương và các tổ chức chính trị, xã hội tại địa phương.

- Duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục THCS mức độ 2.

- Kiểm định chất lượng giáo dục đạt mức 2 và Trường chuẩn quốc gia mức độ 1.

4. Năm học 2028-2029

- Ổn định quy mô trường lớp.

- Duy trì đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục phù hợp với quy mô trường lớp, đảm bảo đủ cơ cấu giáo viên.

- Nâng cao chất lượng giáo dục đại trà, giáo dục mũi nhọn. Tỷ lệ học sinh chuyển lớp đạt từ 100% trở lên; tỷ lệ học sinh tuyển mới vào lớp 6 đạt 100% ; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS đạt 100%; học sinh đỗ vào THPT và các trường cấp THPT đạt trên 90%.

- Nâng cao chất lượng dạy học môn tiếng Anh theo lộ trình đưa ngôn ngữ tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong nhà trường.

- Cơ sở vật chất: Tiếp tục tham mưu chính quyền địa phương đầu tư nguồn ngân sách đầu tư phòng họp trực tuyến, phòng tin học được trang bị các thiết bị hiện đại.

- Duy trì hiệu quả chất lượng hoạt động của Hội đồng trường, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, các tổ chức Đoàn, Đội.

- Duy trì tốt mối quan hệ Ban đại diện cha mẹ học sinh với nhà trường, các thầy cô giáo; duy trì mối quan hệ giữa nhà trường với chính quyền địa phương và các tổ chức chính trị, xã hội tại địa phương.

- Duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục THCS mức độ 2.

- Kiểm định chất lượng giáo dục đạt mức 2 và Trường chuẩn quốc gia mức độ 1.

5. Năm học 2029-2030

- Ổn định quy mô trường lớp.

- Duy trì đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục phù hợp với quy mô trường lớp, đảm bảo đủ cơ cấu giáo viên.

- Nâng cao chất lượng giáo dục đại trà, giáo dục mũi nhọn. Tỷ lệ học sinh chuyển lớp đạt từ 100% trở lên; tỷ lệ học sinh tuyển mới vào lớp 6 đạt 100%; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS đạt 100%; học sinh đỗ vào THPT và các trường cấp THPT đạt 95 - 100%.

- Nâng cao chất lượng dạy học môn tiếng Anh theo lộ trình đưa ngôn ngữ tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong nhà trường.

- Cơ sở vật chất: Tiếp tục tham mưu chính quyền địa phương đầu tư nguồn ngân sách đầu tư phòng học tiếng Anh được trang bị các thiết bị hiện đại.

- Duy trì hiệu quả chất lượng hoạt động của Hội đồng trường, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, các tổ chức Đoàn, Đội.

- Duy trì tốt mối quan hệ Ban đại diện cha mẹ học sinh với nhà trường, các thầy cô giáo; duy trì mối quan hệ giữa nhà trường với chính quyền địa phương và các tổ chức chính trị, xã hội tại địa phương.

- Duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục THCS mức độ 2.

- Rà soát, đề xuất đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục đạt mức 3 và Trường chuẩn quốc gia mức độ 2.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Đổi mới quản lý giáo dục và quản trị nhà trường

- Tiếp tục đổi mới công tác quản lý nhà nước về giáo dục; đổi mới bộ máy quản lý theo hướng nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, đảm bảo tính hệ thống, đồng bộ, liên thông; thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quản lý giáo dục các cấp; tăng cường năng lực thực thi; đẩy mạnh thực hiện việc phân cấp, phân quyền; rà soát về biên chế, tổ chức bộ máy, chính sách đối với nhà giáo và phân bổ ngân sách nhà nước cho ngành giáo dục.

- Tiếp tục đổi mới cơ chế quản trị cơ sở giáo dục nhà trường theo hướng khoa học, hiện đại phù hợp với quá trình hội nhập quốc tế và thực tiễn ở nước ta; tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm gắn với nâng cao trách nhiệm giải trình, phát huy dân chủ của các cơ sở giáo dục; bảo đảm việc tham gia của người học, gia đình và xã hội trong giám sát các cơ sở giáo dục; đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý giáo dục và quản trị nhà trường. Xây dựng môi trường văn hóa - giáo dục lành mạnh, phù hợp với yêu cầu của gia đình và xã hội.

- Tăng cường chất lượng của công tác lập kế hoạch; tổ chức dự báo, cung cấp thường xuyên các thông tin về phát triển giáo dục và nhu cầu nhân lực của xã hội cho các ngành, các cấp.

- Tăng cường và nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác tự kiểm tra, giám sát về giáo dục; bảo đảm nguyên tắc dân chủ, công khai, minh bạch.

2. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện

- Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục đại trà. Thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục đối với tất cả người học đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân, nhất là của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Quan tâm các đối tượng là trẻ mồ côi, trẻ em không nơi nương tựa, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, phụ nữ và trẻ em gái, những đối tượng yếu thế khác.

- Gìn giữ và phát huy giá trị ngôn ngữ, văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số, tăng cường chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ em người dân tộc thiểu số trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ.

- Cùng cố, phát triển trường phổ thông dân tộc bán trú nhằm nâng cao hiệu quả công tác phổ cập giáo dục THCS cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Bảo đảm quyền được tiếp cận giáo dục có chất lượng cho người khuyết tật. Tiếp tục triển khai có hiệu quả phương thức giáo dục cho người khuyết tật là phương thức giáo dục hòa nhập, bán hòa nhập, trong đó đặc biệt quan tâm đến phương thức giáo dục hòa nhập.

- Phát triển hệ thống giáo dục theo hướng mở; linh hoạt, đa dạng hoá chương trình giáo dục, phương thức học tập, ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong giáo dục để phù hợp với mọi đối tượng người học, thúc đẩy học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập.

3. Nâng cao chất lượng bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi

- Nâng cao chất lượng đội tuyển học sinh giỏi, học sinh mũi nhọn. Duy trì hiệu quả các câu lạc bộ năng khiếu.

- Tham gia đầy đủ, có chất lượng các kỳ thi, cuộc thi tổ chức cho học sinh.

4. Công tác tài chính, cơ sở vật chất cho phát triển giáo dục

- Tham mưu, đề xuất chính quyền địa phương giao kinh phí đầu tư cho phát triển giáo dục theo đúng chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

- Thực hiện đầy đủ các chính sách đối với nhà giáo và học sinh.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích cộng đồng, xã hội tham gia phát triển giáo dục, đáp ứng nhu cầu xã hội. Tăng cường huy động và thu hút các nguồn lực trong và ngoài nước cho phát triển giáo dục.

- Tham mưu xây dựng, triển khai tăng cường cơ sở vật chất trường, lớp học. Tiếp tục đầu tư xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia.

5. Đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra và đánh giá chất lượng giáo dục

- Thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông hướng đến phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực từng cá nhân người học; đẩy mạnh phương thức giáo dục tích hợp Khoa học, Kỹ thuật, Công nghệ, Toán học

(STEM) và nghiên cứu khoa học trong nhà trường; nâng cao năng lực tự học và ý thức học tập suốt đời; khả năng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực, sở thích, điều kiện của bản thân.

- Tổ chức thực hiện tốt công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh. Tăng cường lồng ghép, tích hợp giáo dục khởi nghiệp vào các môn học và hoạt động giáo dục.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục quốc phòng và an ninh, xây dựng bản lĩnh chính trị vững vàng, ý thức, trách nhiệm đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc cho học sinh. Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức, bảo đảm thời lượng phù hợp để tổ chức các hoạt động giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, phổ biến kiến thức pháp luật, kỹ năng sống; hoạt động giáo dục hướng nghiệp, trang bị kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho học sinh.

- Tăng cường công tác giáo dục thể chất, hoạt động thể thao, xây dựng trường học an toàn, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe trẻ em, học sinh toàn diện cả về thể chất và tinh thần.

- Đổi mới đánh giá người học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực; thúc đẩy môi trường học tập hài hoà, hạnh phúc, giảm nhẹ áp lực học tập, phát huy tối đa tiềm năng của người học, khuyến khích học theo đam mê và sở thích. Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin và tăng cường phân tích kết quả đánh giá phục vụ dạy học và quản lý giáo dục. Đẩy mạnh công tác bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục, kiểm định chất lượng. Cung cấp các thông tin khách quan, tin cậy về chất lượng giáo dục, làm cơ sở đề xuất các chính sách, giải pháp đổi mới các hoạt động dạy và học đáp ứng yêu cầu triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học.

- Nghiên cứu, triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra và đánh giá chất lượng giáo dục.

6. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

- Xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên ngành giáo dục đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng, hợp lý và đồng bộ về cơ cấu đội ngũ, đạt chuẩn nghề nghiệp.

- Đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên ngành giáo dục theo hướng phát triển năng lực và đạo đức nghề nghiệp

- Tham mưu, đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách tuyển dụng, quản lý sử dụng, đãi ngộ, trọng dụng nhân tài, bảo đảm các điều kiện cần thiết về vật chất và tinh thần để nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên ngành giáo dục thực hiện tốt vai trò và nhiệm vụ của mình, yên tâm công tác và cống hiến; đồng thời thu hút được người giỏi vào ngành giáo dục và tạo động lực cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản

lý, nhân viên ngành giáo dục phát triển; nghiên cứu, xây dựng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao về giáo dục đào tạo ở các cấp học gắn với hoàn thiện cơ chế chính sách phát triển đội ngũ. Có chính sách khuyến khích, ưu đãi đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên ngành giáo dục công tác tại vùng núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Thực hiện chủ trương lương của nhà giáo được ưu tiên cao nhất trong hệ thống thang bậc lương hành chính sự nghiệp và có thêm phụ cấp tùy theo tính chất công việc, theo vùng.

7. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và tăng cường chuyển đổi số trong giáo dục

- Đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản trị, quản lý giáo dục; hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý và cơ sở dữ liệu toàn ngành giáo dục; triển khai dạy học, quản lý nhà trường trên nền tảng số bảo đảm thiết thực và hiệu quả, tạo nên hệ sinh thái chuyển đổi số trong nhà trường.

- Xây dựng và khai thác nguồn tài nguyên giáo dục mở, đáp ứng cơ hội học tập suốt đời cho người dân. Phát triển kho học liệu số dùng chung toàn ngành. Khuyến khích phát triển và khai thác dữ liệu lớn, áp dụng trí tuệ nhân tạo vào lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Từng bước tiếp cận triển khai các mô hình trường học mới như trường học số, trường học thông minh.

- Tham mưu đầu tư, đảm bảo các điều kiện về nhân lực và hạ tầng số, đường truyền, băng thông, nền tảng tích hợp - chia sẻ dữ liệu, đảm bảo an toàn thông tin.

8. Công tác phối hợp các tổ chức, đoàn thể, hội và chính quyền địa phương, cơ quan, đơn vị trên địa bàn; thực hiện hợp tác với các trường chuyên, cơ sở giáo dục và tổ chức giáo dục khác

Phát huy vai trò chủ động, phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, hội và chính quyền địa phương, cơ quan, đơn vị trên địa bàn trong việc tổ chức triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách giáo dục; chương trình giáo dục và công tác quản lý hoạt động dạy học và giáo dục.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với Hội đồng trường

Giám sát việc tổ chức thực hiện Kế hoạch chiến lược, hằng năm có rà soát, bổ sung nội dung phù hợp với điều kiện thực tiễn.

2. Hiệu trưởng

- Phổ biến Kế hoạch chiến lược tới toàn thể cán bộ giáo viên, nhân viên nhà trường, cơ quan chủ quản, phụ huynh, học sinh và các tổ chức cá nhân quan tâm đến nhà trường; đăng trên Website, niêm yết ở trường.

- Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch chiến lược tới từng cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường. Thành lập Tổ kiểm tra và đánh giá thực hiện kế hoạch trong từng năm học.

- Chỉ đạo xây dựng và phê duyệt lộ trình cụ thể thực hiện kế hoạch chiến lược chung cho toàn Trường.

- Tổ chức đánh giá thực hiện kế hoạch hành động hằng năm của toàn trường và thực hiện kế hoạch chiến lược của toàn trường theo từng giai đoạn phát triển.

3. Các phó hiệu trưởng

Theo nhiệm vụ được phân công, giúp Hiệu trưởng tổ chức triển khai và chịu trách nhiệm từng phần việc cụ thể, đồng thời kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, đề xuất những giải pháp để nâng cao chất lượng giáo dục.

4. Các tổ chức đoàn thể

- Hàng năm xây dựng chương trình hành động thực hiện các nội dung liên quan trọng vấn đề thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường.

- Tuyên truyền, vận động mọi thành viên của tổ chức mình thực hiện tốt các nội dung và giải pháp trên; góp ý, điều chỉnh, bổ sung những nội dung phù hợp để thực hiện tốt Kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường.

5. Các tổ chuyên môn

- Tổ chức thực hiện kế hoạch trong tổ; kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch của các thành viên. Tìm hiểu nguyên nhân, đề xuất các giải pháp thực hiện kế hoạch.

- Xây dựng kế hoạch hành động cụ thể (từng năm) trong đó mỗi hoạt động cần nêu rõ mục tiêu cần đạt, kết quả, hiệu quả, tác động, thời gian thực hiện, các nguồn lực thực hiện, người chịu trách nhiệm.

- Tổ chức và phân công thực hiện hợp lý cho các bộ phận, cá nhân phù hợp với trách nhiệm, quyền hạn và nguồn lực.

- Chủ động xây dựng các mô hình phát triển của tổ chuyên môn, các tổ chức trong nhà trường.

6. Giáo viên, nhân viên

Căn cứ kế hoạch chiến lược, kế hoạch năm học của nhà trường xây dựng kế hoạch công tác cá nhân theo từng năm học. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch theo từng học kỳ, năm học. Đề xuất các giải pháp để thực hiện kế hoạch.

7. Ban đại diện cha mẹ học sinh

- Tăng cường công tác phối hợp nhằm duy trì tốt số lượng, nâng cao chất lượng giáo dục.

- Tuyên truyền vận động các bậc phụ huynh thực hiện một số mục tiêu của Kế hoạch chiến lược.

- Tạo dựng môi trường giáo dục của gia đình, quan tâm hỗ trợ nhằm thực hiện tốt công XHHGD trong nhà trường.

8. Đối với học sinh

- Không ngừng học tập, tích cực tham gia hoạt động để sau khi tốt nghiệp THCS có kiến thức, kỹ năng cần thiết đáp ứng yêu cầu xã hội, tiếp tục học trung học phổ thông hoặc học nghề.
- Ra sức rèn luyện đạo đức, lối sống, kỹ năng sống trở thành những người công dân tốt.

VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

UBND xã Chiềng Khoong quan tâm, đầu tư kinh phí xây dựng, mua sắm cơ sở vật chất các điều kiện thiết yếu; tạo đồng thuận, sự ủng hộ trong nhân dân về Kế hoạch chiến lược của nhà trường.

Trên đây là Kế hoạch chiến lược phát triển giáo dục nhà trường giai đoạn 2026-2030 của Trường PTDTBT THCS Mường Cai./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT Sơn La ;
- Đảng ủy xã Chiềng Khoong (b/c)
- Chủ tịch UBND xã;
- Các PCT UBND xã;
- Phòng Văn hóa - Xã hội xã;
- Hội đồng trường PTDTBT THCS Mường Cai;
- Ban Giám hiệu;
- Ban đại diện cha mẹ học sinh trường;
- Lưu VT, Long (15b').

HIỆU TRƯỞNG



Phan Thế Anh

PHÊ DUYỆT CỦA PHÒNG VH-XH Q. TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thị Nga

PHÊ DUYỆT CỦA UBND XÃ CHIỀNG KHOONG KT. CHỦ TỊCH PHÓ CHỦ TỊCH



Lò Thị Bạch